

CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 24



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xuân Mai - Đạo Tú (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Trọng Diên	Chủ tịch
Ông Trần Văn Tuấn	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2012)
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2012)
Ông Đinh Viết Long	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2012)
Ông Nguyễn Đức Thảo	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2012)
Ông Nguyễn Tranh	Ủy viên
Ông Trần Bình Hải	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Tranh	Giám đốc
Ông Trần Bình Hải	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Tước	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Tranh
Giám đốc

Ngày 26 tháng 02 năm 2013

Số: 478 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuân Mai - Đạo Tú

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Xuân Mai - Đạo Tú (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 26 tháng 02 năm 2013 từ trang 03 đến trang 24. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 01, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám Đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 26 tháng 02 năm 2013
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Lê Anh Sơn
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1961/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		120.307.677.639	185.675.740.496
I. Tiền	110	5	727.382.243	507.202.754
1. Tiền	111		727.382.243	507.202.754
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		90.676.106.368	110.647.484.953
1. Phải thu khách hàng	131		92.689.881.709	104.295.276.236
2. Trả trước cho người bán	132		404.230.910	5.853.089.898
3. Các khoản phải thu khác	135		303.355.694	634.386.319
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.721.361.945)	(135.267.500)
III. Hàng tồn kho	140		26.852.881.876	72.381.749.241
1. Hàng tồn kho	141	6	26.852.881.876	72.381.749.241
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.051.307.152	2.139.303.548
1. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.051.307.152	2.139.303.548
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)	200		48.448.147.813	50.510.350.319
I. Tài sản cố định	220		41.194.057.152	45.039.752.011
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	35.114.682.296	40.756.405.991
- Nguyên giá	222		63.541.763.742	63.324.791.923
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(28.427.081.446)	(22.568.385.932)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	8	3.366.042.790	3.967.593.274
- Nguyên giá	225		4.210.853.364	4.210.853.364
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(844.810.574)	(243.260.090)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		2.713.332.066	315.752.746
II. Tài sản dài hạn khác	260		7.254.090.661	5.470.598.308
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		6.891.139.376	5.111.534.973
2. Tài sản dài hạn khác	268		362.951.285	359.063.335
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		168.755.825.452	236.186.090.815

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		108.136.015.514	176.992.175.148
I. Nợ ngắn hạn	310		106.914.923.805	173.206.035.590
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	9	46.870.478.679	60.423.178.858
2. Phải trả người bán	312		32.010.323.798	50.256.856.294
3. Người mua trả tiền trước	313		2.837.879.033	38.526.072.033
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10	11.988.487.889	12.519.419.926
5. Phải trả người lao động	315		6.538.400.522	6.862.281.996
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		5.672.891.385	4.232.584.233
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		996.462.499	385.642.250
II. Nợ dài hạn	330		1.221.091.709	3.786.139.558
1. Vay và nợ dài hạn	334	11	1.221.091.709	3.505.967.405
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	280.172.153
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		60.619.809.938	59.193.915.667
I. Vốn chủ sở hữu	410	12	60.619.809.938	59.193.915.667
1. Vốn điều lệ	411		40.000.000.000	40.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.634.000.000	3.634.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.640.228.796	2.173.969.177
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.403.271.251	747.373.626
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		12.942.309.891	12.638.572.864
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		168.755.825.452	236.186.090.815

g huy

Nguyễn Ngọc Phượng
 Phụ trách P.TCKT

Ngày 26 tháng 02 năm 2013



Nguyễn Tranh
 Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 02-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		237.159.245.350	277.021.674.865
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		237.159.245.350	277.021.674.865
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		180.061.499.702	220.166.964.964
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		57.097.745.648	56.854.709.901
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	13	8.383.638.598	5.455.580.559
6. Chi phí tài chính	22	14	9.922.911.103	12.709.445.609
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.922.911.103	12.709.445.609
7. Chi phí bán hàng	24	15	28.618.022.177	18.970.163.066
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	16	14.813.710.256	13.212.215.924
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		12.126.740.710	17.418.465.861
10. Thu nhập khác	31		268.060.411	304.045.656
11. Chi phí khác	32		73.561	203.290.011
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		267.986.850	100.755.645
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		12.394.727.560	17.519.221.506
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	18	3.098.681.890	4.380.648.642
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		9.296.045.670	13.138.572.864
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	19	2.324	3.285

Phượng

Nguyễn Ngọc Phượng
 Phụ trách P.TCKT

Ngày 26 tháng 02 năm 2013



Nguyễn Tranh
 Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2012	2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>12.394.727.560</i>	<i>17.519.221.506</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	6.460.245.998	7.167.664.613
Các khoản dự phòng	03	2.305.922.292	196.336.153
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(8.383.638.598)	(5.495.536.335)
Chi phí lãi vay	06	9.922.911.103	12.709.445.609
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>22.700.168.355</i>	<i>32.097.131.546</i>
Thay đổi các khoản phải thu	09	17.469.392.586	(76.393.520.138)
Thay đổi hàng tồn kho	10	45.528.867.365	6.359.253.003
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(56.132.676.261)	55.470.683.884
Thay đổi chi phí trả trước	12	(1.779.604.403)	629.049.378
Tiền lãi vay đã trả	13	(9.922.911.103)	(12.709.445.609)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.475.237.484)	(2.116.805.227)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(859.331.150)	(1.403.055.532)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>12.528.667.905</i>	<i>1.933.291.305</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(2.614.551.139)	(7.308.940.795)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	239.872.727
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8.383.638.598	5.455.580.559
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>5.769.087.459</i>	<i>(1.613.487.509)</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	119.556.355.671	135.067.519.951
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(134.276.246.750)	(130.457.489.776)
3. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(1.117.684.796)	(402.842.399)
4. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.240.000.000)	(4.980.384.333)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(18.077.575.875)</i>	<i>(773.196.557)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	220.179.489	(453.392.761)
Tiền đầu năm	60	507.202.754	960.595.515
Tiền cuối năm	70	727.382.243	507.202.754

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính không bao gồm 4.160.000.000 đồng là số tiền Công ty thanh toán cổ tức cho Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai thông qua bù trừ công nợ trong năm. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.



Nguyễn Ngọc Phượng
Phụ trách P.TCKT

Ngày 26 tháng 02 năm 2013



Nguyễn Tranh
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuân Mai - Đạo Tú (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh 2500302820 ngày 11 tháng 6 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Vĩnh Phúc cấp, và các Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 457 (31 tháng 12 năm 2011: 560).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình cầu đường, thủy lợi;
- Xây dựng các khu đô thị, khu công nghiệp;
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, các loại cấu kiện bê tông, các loại ống, cống thoát nước;
- Vận tải hàng hóa, vận tải hàng siêu trường, siêu trọng;
- Sản xuất đá thành phẩm.

Hoạt động chính của Công ty là xây lắp và sản xuất công nghiệp.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2012
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 20
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 6
Máy móc và thiết bị	5 - 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

Số năm

Máy móc và thiết bị

7

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa công cụ, dụng cụ và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ

Căn cứ vào báo cáo kiểm toán của Kiểm toán nhà nước ngày 26 tháng 10 năm 2012, Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố số liệu so sánh của báo cáo tài chính năm 2012. Chi tiết ảnh hưởng của điều chỉnh hồi tố như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số báo cáo	Số liệu	Chênh lệch
		31/12/2011	31/12/2011	
Bảng cân đối kế toán		VND	điều chỉnh lại	VND
1. Phải thu khác	135	494.866.391	634.386.319	139.519.928
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12.371.902.187	12.519.419.926	147.517.739
3. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	414.260.432	385.642.250	(28.618.182)
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	12.617.952.493	12.638.572.865	20.620.372

Chỉ tiêu	Mã số	Số báo cáo 2011	Số liệu 2011	Chênh lệch
		VND	điều chỉnh lại	
Báo cáo kết quả kinh doanh		VND	VND	VND
1. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	13.240.834.106	13.212.215.924	(28.618.182)
2. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	4.372.650.831	4.380.648.642	7.997.811
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ				
Thay đổi các khoản phải thu	09	(76.254.000.210)	(76.393.520.138)	(139.519.928)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	55.331.163.956	55.470.683.884	139.519.928
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.374.437.350)	(1.403.055.532)	(28.618.182)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Tiền mặt	134.939.623	206.507.813
Tiền gửi ngân hàng	592.442.620	300.694.941
	<u>727.382.243</u>	<u>507.202.754</u>

6. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.761.566.612	12.379.020.943
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.140.055.017	16.340.474.955
Thành phẩm	11.104.510.167	21.268.499.885
Hàng gửi đi bán	846.750.080	22.393.753.458
	<u>26.852.881.876</u>	<u>72.381.749.241</u>
Trừ: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>26.852.881.876</u>	<u>72.381.749.241</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2012	35.728.482.946	19.852.603.845	5.731.191.161	2.012.513.971	63.324.791.923
Mua sắm trong năm	-	25.400.000	99.681.819	91.890.000	216.971.819
Tại ngày 31/12/2012	<u>35.728.482.946</u>	<u>19.878.003.845</u>	<u>5.830.872.980</u>	<u>2.104.403.971</u>	<u>63.541.763.742</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2012	8.228.459.039	10.912.052.714	2.301.000.551	1.126.873.628	22.568.385.932
Trích khấu hao trong năm	2.855.445.781	1.751.282.698	874.415.400	377.551.635	5.858.695.514
Tại ngày 31/12/2012	<u>11.083.904.820</u>	<u>12.663.335.412</u>	<u>3.175.415.951</u>	<u>1.504.425.263</u>	<u>28.427.081.446</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2012	<u><u>24.644.578.126</u></u>	<u><u>7.214.668.433</u></u>	<u><u>2.655.457.029</u></u>	<u><u>599.978.708</u></u>	<u><u>35.114.682.296</u></u>
Tại ngày 31/12/2011	<u>27.500.023.907</u>	<u>8.940.551.131</u>	<u>3.430.190.610</u>	<u>885.640.343</u>	<u>40.756.405.991</u>

Công ty đã thế chấp tài sản cố định với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 8.058.005.418 VND (31 tháng 12 năm 2011: 9.353.127.784 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 với giá trị là 9.309.641.366 VND (31 tháng 12 năm 2011: 7.530.048.505 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. TÀI SẢN THUÊ TÀI CHÍNH

	<u>Máy móc và thiết bị</u>
	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2012	4.210.853.364
Thuê tài chính trong năm	-
Tại ngày 31/12/2012	<u>4.210.853.364</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2012	243.260.090
Trích khấu hao trong năm	601.550.484
Tại ngày 31/12/2012	<u>844.810.574</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2012	<u><u>3.366.042.790</u></u>
Tại ngày 31/12/2011	<u><u>3.967.593.274</u></u>

9. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc (i)	29.898.476.965	29.989.208.795
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Vĩnh Phúc (ii)	10.984.906.018	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc (iii)	3.702.220.000	-
Ngân hàng TMCP nhà Hà Nội - Chi nhánh Vĩnh Phúc	-	27.854.685.267
Nợ dài hạn đến hạn trả	2.284.875.696	2.579.284.796
	<u>46.870.478.679</u>	<u>60.423.178.858</u>

- (i) Ngày 02 tháng 7 năm 2012, Công ty ký hợp đồng vay ngắn hạn với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc với hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 VND. Khoản vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay tối đa của các khoản vay là 6 tháng. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc theo từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo bằng số đồ của cán bộ Công ty và các tài sản cố định của Công ty như đã trình bày ở Thuyết minh số 7.
- (ii) Ngày 23 tháng 10 năm 2012, Công ty ký hợp đồng vay ngắn hạn với Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh Vĩnh Phúc với hạn mức tín dụng là 20.000.000.000 VND. Khoản vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay tối đa của các khoản vay là 9 tháng. Lãi suất cho vay là 17%/năm (trong đó lãi suất cơ sở là 13%, biên độ cho vay là 4%), lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần kể từ ngày giải ngân khoản vay. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản cố định của Công ty như đã trình bày tại Thuyết minh số 7.
- (iii) Ngày 20 tháng 11 năm 2012, Công ty ký hợp đồng vay ngắn hạn với ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc với hạn mức tín dụng là 20.000.000.000 VND. Khoản vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay tối đa của các khoản vay là 06 tháng. Lãi suất cho vay là 13,3%/năm. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc theo từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản cố định của Công ty như đã trình bày tại Thuyết minh số 7.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	8.585.755.412	7.608.582.025
Thuế thu nhập cá nhân	304.050.587	586.044.199
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.098.681.890	4.324.793.702
	<u>11.988.487.889</u>	<u>12.519.419.926</u>

11. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội - Chi nhánh Vĩnh Phúc	506.250.000	1.181.250.000
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	468.000.009	1.092.000.005
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thường Tín - Chi nhánh Hà Nội	246.841.700	740.526.500
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc	-	492.190.900
	<u>1.221.091.709</u>	<u>3.505.967.405</u>

Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	2.284.875.696	2.579.284.796
Trong năm thứ hai	1.221.091.709	2.284.875.696
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	1.221.091.709
	<u>3.505.967.405</u>	<u>6.085.252.201</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày trong phần nợ ngắn hạn)	2.284.875.696	2.579.284.796
Số phải trả sau 12 tháng	<u>1.221.091.709</u>	<u>3.505.967.405</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ
 Xã Đạo Tú, huyện Tam Dương
 Tỉnh Vĩnh Phúc, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính
 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2011	40.000.000.000	3.634.000.000	1.123.129.168	373.889.841	7.369.675.697	52.500.694.706
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	13.138.572.864	13.138.572.864
Phân phối lợi nhuận	-	-	1.050.840.009	373.483.785	-	1.424.323.794
Trích các quỹ	-	-	-	-	(2.889.291.364)	(2.889.291.364)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(4.980.384.333)	(4.980.384.333)
Số dư tại ngày 01/01/2012	40.000.000.000	3.634.000.000	2.173.969.177	747.373.626	12.638.572.864	59.193.915.667
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	9.296.045.670	9.296.045.670
Phân phối lợi nhuận	-	-	466.259.619	655.897.625	-	1.122.157.244
Trích các quỹ	-	-	-	-	(1.933.952.493)	(1.933.952.493)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(6.400.000.000)	(6.400.000.000)
Thù lao Ban điều hành và HĐQT	-	-	-	-	(284.000.000)	(284.000.000)
Khác	-	-	-	-	(374.356.150)	(374.356.150)
Số dư tại ngày 31/12/2012	40.000.000.000	3.634.000.000	2.640.228.796	1.403.271.251	12.942.309.891	60.619.809.938

* H H 17

* M.S.D

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 3, vốn điều lệ của Công ty là 40.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi		Vốn đã góp tại ngày	
	VND	%	31/12/2012	31/12/2011
			VND	VND
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	26.000.000.000	65%	26.000.000.000	26.000.000.000
Các cổ đông khác	14.000.000.000	35%	14.000.000.000	14.000.000.000
	40.000.000.000	100%	40.000.000.000	40.000.000.000

Cổ tức và các quỹ

Theo Nghị quyết số 36A/NQ/XMĐT-ĐHĐCĐ ngày 06 tháng 4 năm 2012, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2011 như sau:

Chia cổ tức	6.400.000.000 VND
Trích quỹ dự phòng tài chính	655.897.625 VND
Trích quỹ đầu tư phát triển	466.259.619 VND
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.311.795.249 VND
Trích quỹ thưởng Ban điều hành và thù lao Hội đồng Quản trị	284.000.000 VND

Công ty đã tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2011 với số tiền là 500.000.000 VND theo Quyết định số 23/QĐ/XMĐT-HĐQT ngày 30/11/2011 trong năm 2011.

13. DOANH THU TÀI CHÍNH

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi	23.052.879	37.047.087
Thu lãi chậm thanh toán	8.360.585.719	5.418.533.472
	8.383.638.598	5.455.580.559

14. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	VND	VND
Lãi vay	9.013.077.775	12.614.106.450
Chi phí lãi chậm thanh toán	909.833.328	95.339.159
	9.922.911.103	12.709.445.609

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	VND	VND
Chi phí nhân viên	747.904.443	578.225.722
Chi phí vật liệu, sửa chữa	2.007.557.351	1.917.337.549
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.146.966.780	1.066.972.298
Chi phí vận chuyển	24.694.582.296	15.255.468.539
Chi phí khác	21.011.307	152.158.958
	<u>28.618.022.177</u>	<u>18.970.163.066</u>

16. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	VND	VND
Chi phí nhân viên	6.694.260.507	7.379.943.005
Chi phí nhiên liệu, sửa chữa	1.458.833.275	568.898.850
Chi phí công cụ, dụng cụ	566.067.167	492.681.165
Chi phí khấu hao tài sản cố định	480.472.071	493.800.182
Thuế, phí và lệ phí	429.927.976	2.320.564.280
Chi phí khác	5.184.149.260	1.956.328.442
	<u>14.813.710.256</u>	<u>13.212.215.924</u>

17. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	98.335.714.387	164.268.378.643
Chi phí công cụ, dụng cụ	4.176.747.455	2.512.140.623
Chi phí nhân công	32.975.165.285	39.584.496.678
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.460.245.998	7.167.664.613
Chi phí máy thi công	4.153.095.292	9.510.308.718
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.694.582.296	15.255.468.539
Chi phí khác	10.919.396.321	9.657.509.959
	<u>181.714.947.034</u>	<u>247.955.967.773</u>

18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	12.394.727.560	17.519.221.506
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Các khoản thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	3.373.060
Thu nhập chịu thuế	<u>12.394.727.560</u>	<u>17.522.594.566</u>
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>3.098.681.890</u>	<u>4.380.648.642</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>3.098.681.890</u>	<u>4.380.648.642</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.296.045.670	13.138.572.864
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.000.000	4.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.324	3.285

20. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	406.927.976	406.927.976

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	406.927.976	406.927.976
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	1.627.711.904	1.627.711.904
Sau năm năm	8.410.309.367	8.817.237.343
	<u>10.444.949.247</u>	<u>10.851.877.223</u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê 111.793,4 m² đất tại xã Đạo Tú, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc với giá thuê là 3.640 VND/m²/năm (giá thuê này được ổn định trong vòng 5 năm kể từ ngày 04 tháng 10 năm 2010 đến ngày 04 tháng 10 năm 2015). Hợp đồng thuê đất được ký với thời hạn 27 năm 10 tháng, kể từ ngày 04 tháng 10 năm 2010 đến ngày 28 tháng 8 năm 2038.

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 8 và Thuyết minh số 10, trừ đi tiền), và phần vốn chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Các khoản vay	48.091.570.388	63.929.146.263
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	727.382.243	507.202.754
Nợ thuần	47.364.188.145	63.421.943.509
Vốn chủ sở hữu	60.619.809.938	59.193.915.667
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,78</u>	<u>1,07</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	727.382.243	507.202.754
Phải thu khách hàng và phải thu khác	90.271.875.458	104.794.395.055
Tài sản tài chính khác	362.951.285	359.063.335
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	48.091.570.388	63.929.146.263
Phải trả người bán và phải trả khác	37.377.047.812	53.925.230.707

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
31/12/2012			
Tiền	727.382.243	-	727.382.243
Phải thu khách hàng và phải thu khác	90.271.875.458	-	90.271.875.458
Tài sản tài chính khác	-	362.951.285	362.951.285
Tổng cộng	90.999.257.701	362.951.285	91.362.208.986
31/12/2012			
Các khoản vay	46.870.478.679	1.221.091.709	48.091.570.388
Phải trả người bán và phải trả khác	37.377.047.812	-	37.377.047.812
Tổng cộng	84.247.526.491	1.221.091.709	85.468.618.200
Chênh lệch thanh khoản thuần	6.751.731.210	(858.140.424)	5.893.590.786
31/12/2011			
Tiền	507.202.754	-	507.202.754
Phải thu khách hàng và phải thu khác	104.794.395.055	-	104.794.395.055
Tài sản tài chính khác	-	359.063.335	359.063.335
Tổng cộng	105.301.597.809	359.063.335	105.660.661.144
31/12/2011			
Các khoản vay	60.423.178.858	3.505.967.405	63.929.146.263
Phải trả người bán và phải trả khác	53.925.230.707	-	53.925.230.707
Tổng cộng	114.348.409.565	3.505.967.405	117.854.376.970
Chênh lệch thanh khoản thuần	(9.046.811.756)	(3.146.904.070)	(12.193.715.826)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>2012</u> VND	<u>2011</u> VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	156.528.327.827	203.222.964.764
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai - Chi nhánh Hà Đông	66.485.941.526	46.223.827.787
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai - Chi nhánh Láng Hòa Lạc	-	383.990.910
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai - Chi nhánh Xuân Mai	966.627.524	-
Công ty Cổ phần Cơ giới Vận tải Vinaconex Xuân Mai	69.025.702	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Vinaconex Xuân Mai	682.661.320	411.429.086
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	53.760.934.790	30.784.503.262
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai - Chi nhánh Hà Đông	103.205.854	-
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai - Chi nhánh Láng Hòa Lạc	-	57.221.364
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai - Chi nhánh Xuân Mai	598.126.399	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Vinaconex Xuân Mai	2.071.971.117	967.538.140
Công ty Cổ phần Cơ giới Vận tải Vinaconex Xuân Mai	8.291.241.102	6.957.785.757
Doanh thu hoạt động tài chính		
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	8.335.480.298	5.197.381.596
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai - Chi nhánh Láng Hòa Lạc	25.105.421	221.151.876
Chi phí hoạt động tài chính		
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	289.853.574	66.377.614
Công ty Cổ phần Cơ giới Vận tải Vinaconex Xuân Mai	486.047.142	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Vinaconex Xuân Mai	89.824.561	-
Chi cổ tức	6.400.000.000	4.980.384.333
Thu nhập của Ban Giám đốc trong năm như sau:		
	<u>2012</u> VND	<u>2011</u> VND
Thu nhập Ban Giám đốc	739.600.091	818.740.318

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan:

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	80.973.200.179	101.804.612.872
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai - Chi nhánh Hà Đông	9.357.650.070	-
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai - Chi nhánh Láng Hòa Lạc	-	908.767.841
Trả trước cho người bán		
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	-	5.294.101.988
Phải trả người bán		
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	560.474.590	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Vinaconex Xuân Mai	-	389.584.961
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Vinaconex Xuân Mai	-	2.944.024
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai - Chi nhánh Xuân Mai	110.217.783	-
Công ty Cổ phần Cơ giới Vận tải Vinaconex Xuân Mai	4.498.340.185	4.217.856.103
Người mua trả tiền trước		
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	1.698.886.533	5.979.476.449
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai - Chi nhánh Hà Đông	-	32.053.415.584

23. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ngày 04 tháng 01 năm 2013, Công ty đã được cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh để thành lập Công ty con là Công ty TNHH MTV Đạo Tú - Thanh Phát. Công ty con này có trụ sở chính tại thôn Lục Liêu, xã Thanh phát, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Công ty con thuộc sở hữu 100% của Công ty với số vốn điều lệ là 3,5 tỷ VND.

24. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được điều chỉnh hồi tố như trình bày tại Thuyết minh số 4.

Nguyễn Ngọc Phượng
Phụ trách P.TCKT

Ngày 26 tháng 02 năm 2013



Nguyễn Tranh
Giám đốc